ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HÀM THẠNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1704/QĐ-UBND	*Hàm Thạnh, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Cổng chào xã Hàm Thạnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀM THẠNH

Căn cứ Luật xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1090B/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND xã Hàm Thạnh về chủ trương đầu tư dự án Cổng chào xã Hàm Thạnh;

Xét Công văn số 380/PKT ngày 26/10/2026 của Phòng Kinh tế xã Hàm Thạnh về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cổng chào xã Hàm Thạnh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã Hàm Thạnh tại Tờ trình số 1533/TTr-PKT ngày 27 tháng 10 năm 2026 về việc phê duyệt dự án Cổng chào xã Hàm Thạnh .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cổng chào xã Hàm Thạnh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cổng chào xã Hàm Thạnh.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Dự án nhóm C;

- Công trình dân dụng, cấp III;

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Không nhỏ hơn 20 năm.

3. Mã định danh (nếu có): Chưa có.

4. Địa điểm xây dựng dự án (ghi địa danh cấp xã, tỉnh); điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế (ghi địa danh cấp xã, tỉnh); diện tích sử dụng đất của dự án

- Địa điểm xây dựng dự án: Xã Hàm Thạnh, tỉnh Lâm Đồng;

- Diện tích sử dụng đất của dự án: Khoảng 50m^2 trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ tuyến ĐT 718 do Sở Xây dựng quản lý.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hàm Thạnh.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Hàm Thạnh.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có): Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Thiện Tín Phát; Mã số doanh nghiệp 3401213025.

8. Mục tiêu dự án: Nhằm tạo điểm nhấn kiến trúc, quảng bá hình ảnh và bản sắc địa phương; đồng thời góp phần hoàn thiện cảnh quan, nâng cao mỹ quan khu vực, hỗ trợ nhận diện địa giới hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô: Làm mới cổng chào trên đường ĐT.718. Chiều rộng cổng chào 13.8 m, chiều cao 13.6 m (từ mặt đường đến đỉnh cổng chào), chiều cao thông thuỷ 8 m (từ mặt đường đến dạ dưới bảng cổng chào).

9.2. Giải pháp kỹ thuật:

- Móng, cột, đà kiềng bê tông cốt thép đá 1x2 M200, bê tông lót móng đá 4x6, trụ cổng ốp đá Granite. Nền chân trụ cổng đổ bê tông đá 1x2 mac200, lát gạch Terrazzo kt: 400x400mm. Hệ thống điện đặt âm tường, lắp bảng LED điện tử kích thước 0.9x10,7m, bảng cổng khung thép hộp ốp Alu xung quanh, các thanh đứng và cột cắm cờ trang trí bằng ống Inox;

- Lắp đặt điện nguồn.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam, danh mục cụ thể được nêu tại Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **999.193.356** đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	828.647.871 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	26.152.330 đồng
- Chi phí Tư vấn xây dựng:	84.520.984 đồng
- Chi phí khác:	13.088.957 đồng
- Chi phí dự phòng:	46.783.214 đồng

(Đính kèm bảng tổng hợp dự toán xây dựng công trình)

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách xã năm 2026-2028.

- Dự kiến bố trí vốn trong năm 2026 - 2028.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế xã Hàm Thạnh là chủ đầu tư công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều 1 Quyết định này đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT; PKT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HÀM THẠNH T. LÂM ĐỒNG

Nguyễn Đình Quang

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN CỔNG CHÀO XÃ HÀM THẠNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân xã Hàm Thạnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị Sau thuế	Ký hiệu
I	**Chi phí xây dựng**	**Bảng tổng hợp CPXD**	**767.266.547**	61.381.324	**828.647.871**	**G_{XD}**
1.1	*Chi phí xây dựng công trình chính*	Có bảng tính	758.918.444	60.713.476	819.631.920	*Gxd*
1.2	*Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công*	Có bảng tính	8.348.103	667.848	9.015.951	*Gnt*
II	**Chi phí quản lý dự án**	**Gxd x 3,446%**	**26.152.330**		**26.152.330**	**G_{QLDA}**
III	**Chi tư vấn đầu tư xây dựng**	**TV1+...+TV3**	**78.260.170**	6.260.814	**84.520.984**	**G_{TV}**
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	Gxd x 6,5% x 1,08	49.329.699	3.946.376	53.276.075	TV1
2	Chi phí thẩm tra thiết kế + dự toán	Mức tối thiểu	4.000.000	320.000	4.320.000	TV2
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gxd x 3,285% x 1,08	24.930.471	1.994.438	26.924.909	TV3
IV	**Chi phí khác**	**K1+K2**	**12.357.506**	731.451	**13.088.957**	**G_{K}**
1	Lệ phí thẩm định BCKTKT	Mức tối thiểu	500.000		500.000	K1
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	GTM x 0,57%x50%	2.714.369		2.714.369	K2
3	Chi phí kiểm toán	GTM x 0,96%	9.143.137	731.451	9.874.588	
V	**Chi phí dự phòng**	**G_{DP1}**	**43.317.791**	3.465.423	**46.783.214**	**G_{DP}**
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	(G_{XD}+G_{QLDA}+G_{TV}+G_{K}) x 4,9%	43.317.791	3.465.423	46.783.214	**G_{DP1}**
VI	**TỔNG CỘNG**	**I+II+...+VI**	**927.354.344**	**71.839.012**	**999.193.356**	**G_{XDCT}**